



PRONUNCIATION

/z/	/s/	/iz/
pens	books	watches

Cách phát âm âm đuôi “s” và “es”

/z/	dreams	drowns	sounds	sands
/s/	picks	proofs	laughs	maps
/iz/	pushes	dishes	buzzes	catches

- Đuôi /s/ hoặc /es/ được phát âm là /z/ khi từ có tận cùng bằng các phụ âm hữu thanh /b/, /d/, /g/, /v/, /ð/, /m/, /n/, /ŋ/, /l/, /r/ và các nguyên âm.

-Đuôi /s/ hoặc /es/ được phát âm là /s/ khi từ có tận cùng bằng các phụ âm vô thanh: /p/, /t/, /k/, /f/, /θ/.

-Đuôi /s/ hoặc /es/ được phát âm là /iz/ khi từ có tận cùng bằng các phụ âm gió /s/, /z/, /ʃ/, /ʒ/, /tʃ/, /dʒ/

Task 1. Put the words into the correct columns.

rooms houses dogs lamps toilets beds tables
apartments books chairs televisions boxes pictures baths
dishes fridges cookers chopsticks lights vases windows
photos parents clothes wishes sandwiches attics villas
plants walls tablecloths shelves classes tourists

/z/

.....

.....

.....

.....

.....

.....

/s/

.....

.....

.....

.....

.....

.....

/iz/

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Task 2: Choose the word which has the underlined part pronounced differently from the others.

- | | | | |
|------------------------|----------------------|--------------------|-----------------------|
| 1. A. school <u>s</u> | B. shop <u>s</u> | C. pet <u>s</u> | D. cart <u>s</u> |
| 2. A. pen <u>s</u> | B. closet <u>s</u> | C. sweet <u>s</u> | D. lamp <u>s</u> |
| 3. A. ruler <u>s</u> | B. pencil <u>s</u> | C. bag <u>s</u> | D. book <u>s</u> |
| 4. A. match <u>es</u> | B. mak <u>e</u> s | C. brush <u>es</u> | D. peach <u>es</u> |
| 5. A. bee <u>s</u> | B. cupboard <u>s</u> | C. watch <u>es</u> | D. bedroom <u>s</u> |
| 6. A. fe <u>a</u> st | B. se <u>a</u> t | C. br <u>e</u> ad | D. h <u>e</u> at |
| 7. A. peanut <u>t</u> | B. c <u>u</u> t | C. sh <u>u</u> t | D. p <u>u</u> t |
| 8. A. wh <u>a</u> t | B. fl <u>a</u> t | C. s <u>a</u> nd | D. Sat <u>u</u> rday |
| 9. A. h <u>i</u> ke | B. bes <u>i</u> de | C. h <u>i</u> de | D. p <u>i</u> cnic |
| 10. A. wash <u>e</u> d | B. sac <u>r</u> ed | C. book <u>e</u> d | D. hop <u>e</u> d |
| 11. A. form <u>s</u> | B. chair <u>s</u> | C. seat <u>s</u> | D. key <u>s</u> |
| 12. A. paper <u>s</u> | B. boss <u>e</u> s | C. brush <u>es</u> | D. fox <u>e</u> s |
| 13. A. cat <u>s</u> | B. dog <u>s</u> | C. phon <u>e</u> s | D. draw <u>e</u> rs |
| 14. A. pig <u>s</u> | B. plant <u>s</u> | C. tabl <u>e</u> s | D. comput <u>e</u> rs |
| 15. A. beach <u>es</u> | B. watch <u>es</u> | C. sink <u>s</u> | D. lunch <u>es</u> |



VOCABULARY

New words	Transcription	Meaning
air conditioner	/e(r) kən'diʃənə(r)/	máy điều hòa nhiệt độ
alarm clock	/ə'la:m klɒk/	đồng hồ báo thức
apartment	/ə'pɑ:tmənt/	căn hộ
attic	/ˈætɪk/	gác xép
bathroom	/ˈbɑ:θru:m/	phòng tắm
bathroom scales	/ˈbɑ:θru:m skeɪlz/	cân sức khỏe
bedroom	/ˈbedru:m/	phòng ngủ
blanket	/ˈblæŋkɪt/	cái chăn
ceiling fan	/ˈsi:lɪŋ fæn/	quạt trần
cellar	/ˈselə(r)/	tầng hầm
chair	/tʃeər/	cái ghế
chest of drawers	/tʃest əv drɔ:z/	tủ có nhiều ngăn kéo
chimney	/ˈtʃɪmni/	ống khói
chopsticks	/ˈtʃɒpstɪks/	đôi đũa
cooker	/ˈkʊkər/	nồi cơm điện
country house	/ˈkʌntri haʊs/	biệt thự đồng quê
cupboard	/ˈkʌbəd/	tủ đựng chén đĩa
curtain	/ˈkɜ:tn/	rèm cửa
cushion	/ˈkʊʃn/	đệm
department store	/dɪ'pɑ:tmənt stɔ:(r)/	cửa hàng bách hóa
dining room	/ˈdaɪnɪŋ ru:m/	phòng ăn
dishwasher	/ˈdɪʃwɒʃər/	máy rửa bát đĩa
fireplace	/ˈfaɪəpleɪs/	lò sưởi
fridge	/frɪdʒ/	tủ lạnh

furniture	<i>/ˈfɜːrnɪtʃər/</i>	<i>đồ nội thất</i>
garage	<i>/ˈɡærɑːʒ/</i>	<i>nhà để xe</i>
hall	<i>/hɔːl/</i>	<i>sảnh</i>
kitchen	<i>/ˈkɪtʃɪn/</i>	<i>nhà bếp</i>
lamp	<i>/læmp/</i>	<i>cái đèn</i>
living room	<i>/ˈlɪvɪŋ ruːm/</i>	<i>phòng khách</i>
microwave	<i>/ˈmaɪkrəweɪv/</i>	<i>lò vi sóng</i>
move	<i>/muːv/</i>	<i>di chuyển</i>
pillow	<i>/ˈpɪləʊ/</i>	<i>cái gối</i>
poster	<i>/ˈpəʊstər/</i>	<i>tấm áp phích</i>
roof	<i>/ruːf/</i>	<i>mái nhà</i>
sheet	<i>/ʃiːt/</i>	<i>ga trải giường</i>
sink	<i>/sɪŋk/</i>	<i>bồn rửa</i>
sofa	<i>/ˈsəʊfə/</i>	<i>ghế sofa</i>
stilt house	<i>/stɪlt haʊs/</i>	<i>nhà sàn</i>
stool	<i>/stuːl/</i>	<i>ghế đẩu</i>
television	<i>/ˈtelɪvɪʒən/</i>	<i>tivi</i>

Task 1. Look at the pictures and complete the blanks.

bedroom

cupboard

lamp

living room

chair

bathroom

kitchen

garage

sofa

wardrobe



1.....



2.....



3.....



4.....



5.....

6.....

7.....

8.....

Task 2. Use the given words to complete the sentences.

sofa	sinks	light	vase	bathroom scales
blanket	toilet	cooker	poster	ceiling fan

1. It's cold here. Are there any
2. I'm a bit stomachache. Where is the
3. How hot the weather is! Turn on the, please.
4. Are there any on the wall? – No, So the wall looks boring.
5. I need to wash my face. Are there any in the bathroom?
6. Take a seat on theover there. I will make you a cup of coffee.
7. How do we cook boiled sticky rice? – We can use the to cook it.
8. It's so dark there. Turn on the, please.
9. Look! The flowers are so beautiful! – Yes, bring me a I am going to arrange them.
10. Stand on the please. Look! 53 kilograms!

Task 3. Put the words into the correct groups.

bathroom lamp town house sofa wardrobe shelf villa kitchen
dishwasher dining room stilt house bed microwave chest of drawers
apartment bedroom air conditioner country house living room fridge

Types of building	Rooms	Furniture	Equipment
_____	_____	_____	_____
_____	_____	_____	_____
_____	_____	_____	_____
_____	_____	_____	_____
_____	_____	_____	_____
_____	_____	_____	_____

Task 4. Parts of the house. Unscramble the letters, then complete the passage

- | | |
|-------------------|---------------------|
| 1. ergnad _____ | 5. nviligomor _____ |
| 2. amrhoobt _____ | 6. gnidinrmoo _____ |
| 3. moordeb _____ | 7. citta _____ |
| 4. hcnokit _____ | 8. ragega _____ |

I like my big house. It has got two _____ upstairs, my parents' one and mine. Upstairs also there is a _____ where I wash and brush my teeth. Downstairs there is a _____ big where my mother cooks and prepares meals, a _____ to eat altogether and a _____ where we watch TV or sit and relax. Outdoors my parents park their cars in the _____, and we have a beautiful _____ with a lot of flowers and trees. My house also has an _____ where we store lots of old things.